

SỞ Y TẾ TỈNH YÊN BÁI
TTYT HUYỆN VĂN CHẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1856/TM-TTYT
V/v mời cung cấp báo giá

Văn Chấn, ngày 26 tháng 11 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam
(Sau đây được gọi tắt là Quý đơn vị)

Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xin gửi tới Quý đơn vị lời cảm ơn chân thành và lời chào trân trọng.

Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn – tỉnh Yên Bái có nhu cầu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua thiết bị y tế (nhóm Vật tư chẩn thương chính hình) để phục vụ công tác chuyên môn của đơn vị.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn – tỉnh Yên Bái
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm: Cao Ngọc Thủy; Số điện thoại: 0944683968; Email: cnthuy73@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Trực tiếp tại: Phòng văn thư - Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn
- Điện thoại: 02163 873 114

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Hoặc qua Email: baogiavanchan@gmail.com (Bản Scane có đóng dấu hợp pháp của đơn vị báo giá)

Lưu ý: Báo giá phải được người có thẩm quyền ký trực tiếp trên văn bản giấy, khi ký văn bản dùng bút có mực màu xanh, không dùng các loại mực dễ phai hoặc dùng dấu chữ ký khắc sẵn để ký báo giá.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 26/11/2024 đến trước 14h00 ngày 05/12/2024.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa (phụ lục kèm theo)
- Địa điểm cung cấp: Khoa Dược, VT, TTBYT - Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

3. Nội dung báo giá của hãng sản xuất, nhà cung cấp: (Mẫu danh mục báo giá phụ lục gửi kèm) hàng mới 100%.

Lưu ý: Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng danh mục hàng hóa nêu trên chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặt tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt” hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu đồng thời phải phù hợp với trang thiết bị hiện có của đơn vị sử dụng, tương đương được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng.

Đối với các yêu cầu ở mức “khoảng” mà chưa cụ thể sai số cho phép tại nội dung đó thì khoảng sai số cho phép so với yêu cầu $\leq 2\%$ được đánh giá là đáp ứng.

Yêu cầu tương đương:

+ Tương đương về chủng loại;

+ Tương đương về tiêu chuẩn kỹ thuật (Thiết kế, tính năng sử dụng, công nghệ chế tạo, tiêu chuẩn công nghệ);

+ Đối với các tên hàng hóa, tiêu chí kỹ thuật, công nghệ... có cụm từ “hoặc tương đương”, yêu cầu nhà thầu khi báo giá lại hàng hóa cụ thể của đơn vị mình cung cấp, không ghi thêm cụm từ “hoặc tương đương”;

+ Các tính năng kỹ thuật, công năng sử dụng và tiêu chuẩn công nghệ của hàng hóa nhà thầu chào “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu trong bảng “danh mục hóa chất xét nghiệm”, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh “tương đương” hoặc “tốt hơn”.

4. Điều kiện thanh toán: Thanh toán theo từng đợt giao hàng hoặc thanh toán 1 lần sau khi kết thúc gói thầu, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của các nhà Sản xuất, nhà cung cấp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT; HSDT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Liên



PHỤ LỤC 01

DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số 4856/TM-TTYT ngày 26/11/2024 của Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tiêu chí chất lượng	Thông số kỹ thuật	Khối lượng
1	Đinh Kít-ne (Đinh Kirschner)	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Đường kính: 1.2mm Chiều dài: 310mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	10
2	Đinh Kít-ne (Đinh Kirschner)	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Đường kính: 1.4mm Chiều dài: 310mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	10
3	Đinh Kít-ne (Đinh Kirschner)	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Đường kính: 1.6mm Chiều dài: 310mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	10
4	Đinh Kít-ne (Đinh Kirschner)	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Đường kính: 1.8mm Chiều dài: 310mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	30
5	Đinh Kít-ne (Đinh Kirschner)	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Đường kính: 2.0mm Chiều dài: 310mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	50
6	Đinh Kít-ne (Đinh Kirschner)	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Đường kính: 2.2mm Chiều dài: 310mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	30
7	Đinh Kít-ne (Đinh Kirschner)	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Đường kính: 2.5mm Chiều dài: 310mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	10
8	Nẹp khóa đầu trên xương chày - bên phải	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dày 4,0mm; rộng 16,0mm Có 5/7/9/11 lỗ (mỗi loại 01 cái) Dùng vít khóa 5.0mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	3

9	Nẹp khóa đầu trên xương chày - bên trái	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dày 4,0mm; rộng 16,0mm Có 5/7/9/11 lỗ (mỗi loại 01 cái) Dùng vít khóa 5.0mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	7
10	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi - bên trái	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dày 5,0mm; rộng 16,0mm Có 5/6/7/8/9/10 lỗ (mỗi loại 01 cái) Dùng vít khóa 5.0mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	6
11	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi - bên phải	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dày 5,0mm; rộng 16,0mm Có 5/6/7/8/9/10 lỗ (mỗi loại 01 cái) Dùng vít khóa 5.0mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	6
12	Nẹp bản nhỏ (xương cẳng tay) 6 lỗ	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dày 2,5mm; rộng 9,5mm Có 6 lỗ Dùng vít xương cứng 3.5mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	3
13	Nẹp bản nhỏ (xương cẳng tay) 7 lỗ	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dày 2,5mm; rộng 9,5mm Có 7 lỗ Dùng vít xương cứng 3.5mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	3
14	Nẹp bản nhỏ (xương cẳng tay) 8 lỗ	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dày 2,5mm; rộng 9,5mm Có 8 lỗ Dùng vít xương cứng 3.5mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	3
15	Nẹp khóa đầu dưới xương quay, bên phải lỗ vít 3.5mm;	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dày 2,0mm; rộng 11,0mm Có 3/4/5/6 lỗ Dùng vít khóa 3.5mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	3
16	Nẹp khóa đầu dưới xương quay, bên trái	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dày 2,0mm; rộng 11,0mm Có 3/4/5/6 lỗ (mỗi loại 01 cái) Dùng vít khóa 3.5mm Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	3

17	Vít xương xộp có khóa	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dài 60mm Đường kính mũ vít: 6,5mm; Đường kính lõi vít: 4,0mm; Đường kính thân ren: 5,0mm Đồng bộ với nẹp cùng hãng sản xuất Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	40
18	Vít xương xộp có khóa	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dài 65mm Đường kính mũ vít: 6,5mm; Đường kính lõi vít: 4,0mm; Đường kính thân ren: 5,0mm Đồng bộ với nẹp cùng hãng sản xuất Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	40
19	Vít xương xộp có khóa	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dài 70mm Đường kính mũ vít: 6,5mm; Đường kính lõi vít: 4,0mm; Đường kính thân ren: 5,0mm Đồng bộ với nẹp cùng hãng sản xuất Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	40
20	Vít xương xộp có khóa	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dài 75mm Đường kính mũ vít: 6,5mm; Đường kính lõi vít: 4,0mm; Đường kính thân ren: 5,0mm Đồng bộ với nẹp cùng hãng sản xuất Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	40
21	Vít xương xộp có khóa	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dài 80mm Đường kính mũ vít: 6,5mm; Đường kính lõi vít: 4,0mm; Đường kính thân ren: 5,0mm Đồng bộ với nẹp cùng hãng sản xuất Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	40
22	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dài 10-50mm với bước tăng 2mm Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	100
23	Vít khóa 3.5mm	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dài 10-50mm với bước tăng 2mm Đường kính mũ vít: 5,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đồng bộ với nẹp cùng hãng sản xuất Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03; Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	35

24	Vít khoá 2.0 mm	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Vít khoá 2.0 mm dài các cỡ Dài 6-30mm với bước tăng 2mm Đường kính mũ vít: 4,0mm; Đường kính lõi vít: 1,5mm; Đường kính thân ren: 2,0mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu titanium	0
25	Vít khóa 5.0 mm	Cái	Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE	Dài 14-50mm với bước tăng 2mm; 55-80mm với bước tăng 5mm Đường kính mũ vít: 6,5mm; Đường kính lõi vít: 4,0mm; Đường kính thân ren: 5,0mm Đồng bộ với nẹp cùng hãng sản xuất Chất liệu: Titanium	200
26	Stent niệu quản (Sonde JJ)	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống thông niệu quản (Sonde JJ) các số	40
27	Lưới điều trị thoát vị	Miếng	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chất liệu Polypropylene. Kích thước 10 x 15cm	40
28	Kẹp lưỡng cực dùng nhiều lần	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chiều dài 9.0cm - 17.8cm	4
29	Dây cáp lưỡng cực dùng cho máy đốt điện cao tần	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Dây cáp lưỡng cực dùng cho dao đốt điện cao tần.	10
30	Kim công lực cán vàng	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Dài 24cm cán vàng Chất liệu thép không gỉ	2
31	Dây kẹp kim máy điện châm KWD 808I	Cái		Tương thích với máy điện châm KWD 808I	50
32	Kẹp phẫu tích không máu 14cm	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kích thước: 14cm ± 5% Chất liệu thép không gỉ	2
33	Kẹp phẫu tích không máu 16cm	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kích thước: 16cm ± 5% Chất liệu thép không gỉ	2
34	Kẹp phẫu tích có máu 20cm	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kích thước: 20cm ± 5% Chất liệu thép không gỉ	5
35	Kẹp phẫu tích có máu, dài 18cm	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kích thước: 18cm ± 5% Chất liệu thép không gỉ	5
36	Kim cấy chi	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Kim cấy chi vô trùng dùng 1 lần, số 7. Kim làm bằng thép không rỉ.	30
37	Kéo phẫu thuật 14cm	Cái		Kích thước: 14cm; thẳng nhọn 2 đầu Chất liệu thép không gỉ	3
38	Kéo phẫu thuật 18cm	Cái		Kích thước: 18cm; thẳng nhọn 2 đầu Chất liệu thép không gỉ	2
39	Dây dẫn đường cho ống thông double J hoặc Guide wire	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	- Dây dẫn được làm từ thép không gỉ phủ PTFE - Kích thước: 0.035" x 150 cm - Loại thẳng, cong hoặc chữ J - Tiệt trùng	5

40	Kẹp cầm máu dùng một lần	Cái	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hemoclip dùng một lần với thiết kế góc mở ngàm lớn, cho phép điều chỉnh đóng mở clip nhiều lần trước khi tiến hành thủ thuật; xoay được 360 độ, độ mở ngàm 12mm, 15mm; Chiều dài làm việc các cỡ: 1650mm, 1950mm, 2300mm; độ mở 135 độ.	30
41	Ống nội soi, Hopkins, 30 độ	Cái		Ống kính soi, hướng nhìn 30 độ, đường kính 10 mm, chiều dài làm việc 31 cm, có thể tiệt trùng được ở nhiệt độ cao bằng hơi nước. + Sử dụng thấu kính hình gậy, thị kính có bọc sa-phia chống xước. + Phân bố ánh sáng tối ưu, ống kính soi có lớp mạ chống phản quang. + Ống soi có thể cải thiện độ sáng hình ảnh tăng lên 2.5 lần.	1
42	Dây dẫn sáng	Cái		Cáp dẫn sáng, đầu nối thẳng, chịu nhiệt rất tốt, có khóa an toàn, đường kính 4.8 mm, chiều dài 250 cm,	2
Tổng cộng: 42 khoản					

Tên đơn vị cung cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại liên lạc:



PHỤ LỤC 02
BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn

Căn cứ thư mời số: 1856 /TM-TTYT ngày 26 /11/2024 của Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn V/v mời cung cấp báo giá. Công ty, chúng tôi(ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất/nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh) - Mã số thuế:.....

Xin báo giá cho mặt hàng như sau:

STT	Tên hàng hóa	Mô tả Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, (nếu có)	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã có VAT)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền
	Cộng: mặt hàng										

- * (Số tiền bằng chữ:)
- * Giá chào: Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản liên quan và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật
- * Hiệu lực báo giá: Bảng báo giá này có hiệu lực 120 ngày kể từ ngày tháng năm 2024
- * Chúng tôi cam kết: Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác.
- * Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật.
- * Giá trị của hàng hóa nêu trong bảng báo giá là phù hợp, không vi phạm các quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- * Tất cả các thông tin nêu trong bảng báo giá là trung thực.
- * Thông tin liên hệ người làm báo giá: (Thông tin liên hệ của người trực tiếp làm báo giá)

....., ngày tháng năm 2024

Đại diện đơn vị báo giá
(Họ tên, chức danh, ký tên, đóng dấu)